



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

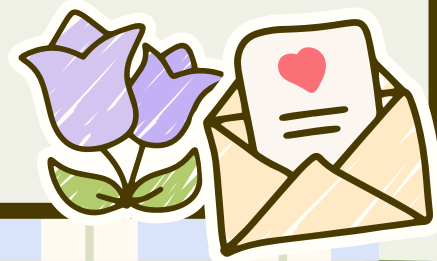
TOÁN

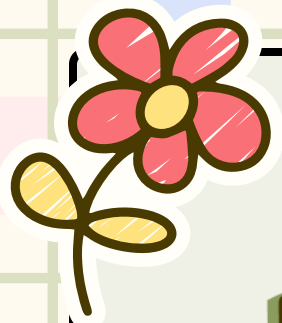
HÀNG CỦA SỐ THẬP PHẦN

Đọc, viết số thập phân

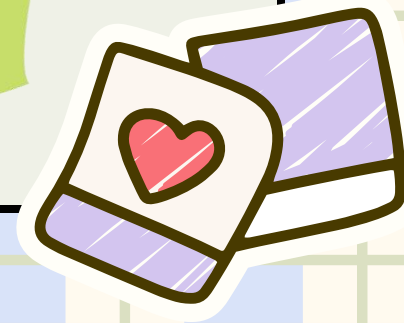


(Trang 35)





KHỞI ĐỘNG



Măng non

Vua phá lưới

Măng non



Số 12,45
đọc là:



Mười hai phẩy
bốn năm



Một hai phẩy
bốn năm



Mười hai phẩy bốn
mười lăm

$$3g = \dots \text{kg}$$



$$3g = 0,003 \text{kg}$$



$$3g = 0,03 \text{kg}$$



$$3g = 0,03 \text{ kg}$$

$$5,7 \text{ kg} = \dots\dots\dots\text{g}$$



$$5,7 \text{ kg} = 5\,700\text{g}$$



$$5,7\text{kg} = 57\,000\text{g}$$



$$5,7\text{kg} = 570\text{g}$$

Số 9,52 có phần thập phân là:



9

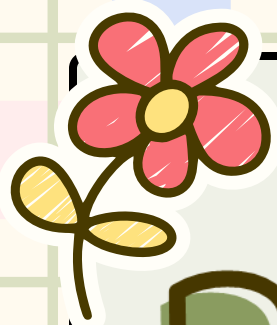


5

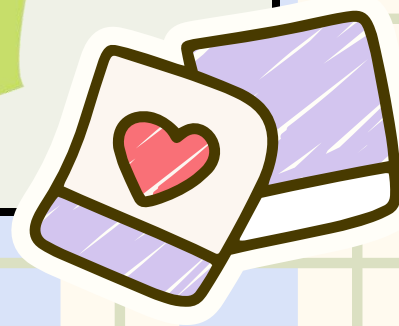


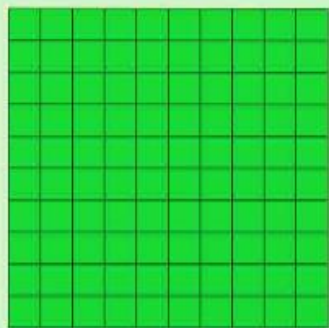
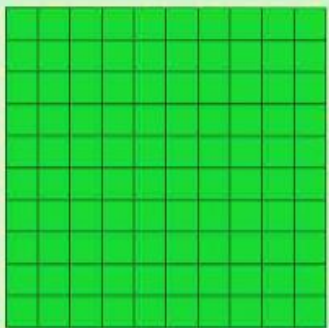
52



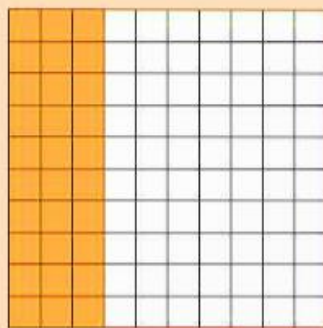


KHÁM PHÁ

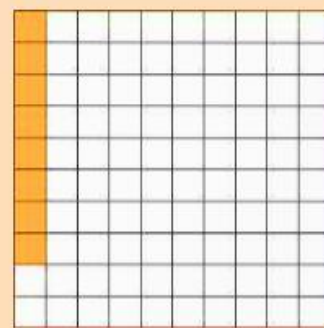




2 (hai đơn vị)



$\frac{3}{10}$ (ba phần mười)



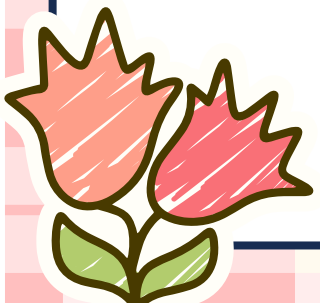
$\frac{8}{100}$ (tám phần một trăm)



Số gồm 2 đơn vị, 3 phần 10, 8 phần trăm

Viết là: 2,38

Đọc là: hai phẩy ba mươi tám.

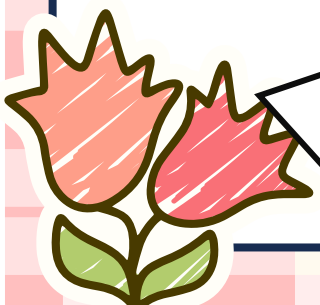


Hàng						
Trăm	Chục	Đơn vị		Phần mười	Phần trăm	Phần nghìn
100	10	1 1		$\frac{1}{10}$ $\frac{1}{10}$	$\frac{1}{100}$ $\frac{1}{100}$ $\frac{1}{100}$	$\frac{1}{1\ 000}$
100	10	1 1		$\frac{1}{10}$ $\frac{1}{10}$		
100		1				
3	2	5	,	4	3	1

**Số gồm 3 trăm, 2 chục, 5 đơn vị, 4 phần mười,
3 phần trăm, 1 phần nghìn.**

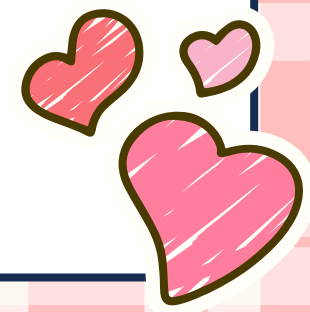
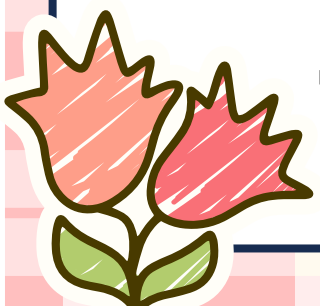
Viết là: 325,431

**Đọc là: ba trăm hai mươi lăm phẩy bốn trăm ba
mười một**



Kết luận

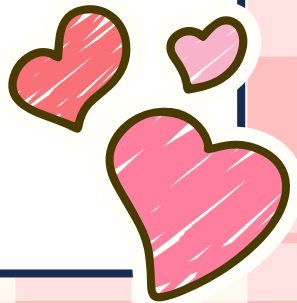
- Muốn viết một số thập phân, trước hết viết phần nguyên, viết dấu phẩy sau đó viết phần thập phân.
- Muốn đọc một số thập phân, trước hết đọc phần nguyên, đọc dấu phẩy sau đó đọc phần thập phân.

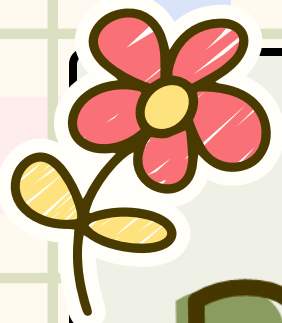


? Em hãy đọc số: 34,922

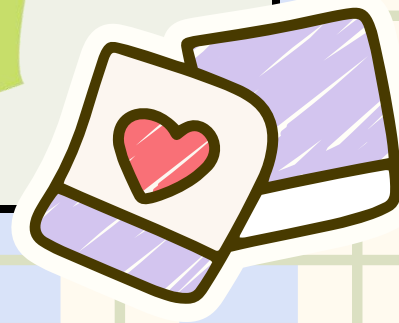


**Ba mươi tư phẩy chín
trăm hai mươi hai.**





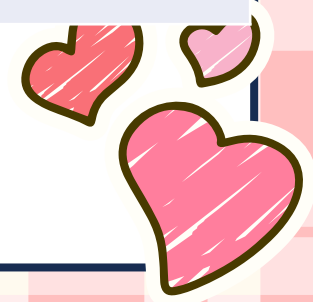
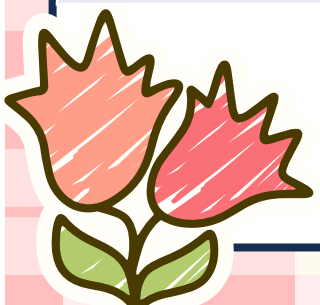
HOẠT ĐỘNG





Viết, đọc số thập phân(theo mẫu).

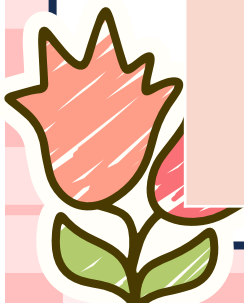
Số thập phân gồm	Viết số	Đọc số
3 chục, 5 đơn vị, 6 phần mười, 2 phần trăm, 4 phần nghìn	35,624	Ba mươi lăm phẩy sáu trăm hai mươi tư
116 đơn vị, 7 phần mười, 1 phần trăm, 5 phần nghìn	116,715	Một trăm mười sáu phẩy bảy trăm mười lăm
0 đơn vị, 7 phần mười, 3 phần trăm	0,73	Không phẩy bảy mươi ba
26 đơn vị và 408 phần nghìn	26,408	Hai mươi sáu phẩy bốn trăm linh tám



2

a) Nói phần nguyên và phần thập phân của mỗi số thập phân rồi đọc số thập phân:
327,106; 49,251; 9,362

Số	Phần nguyên	Phần thập phân	Đọc số
327,106	327	106	Ba trăm hai mươi bảy phẩy một trăm linh sáu
49,251	49	251	Bốn mươi chín phẩy hai trăm năm mươi một
9,362	9	362	Chín phẩy ba trăm sáu mươi hai



2

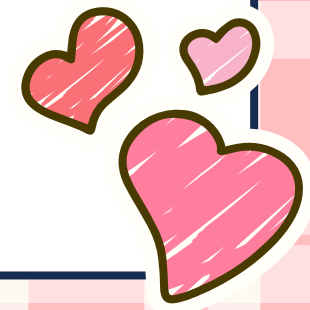
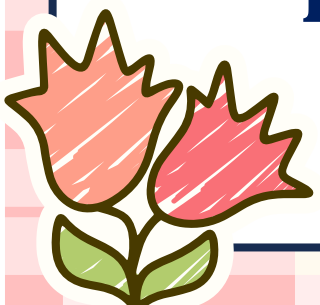
**b) Đọc các số thập phân 4,05; 12,004;
8,03; 25,009 (theo mẫu).**

4,05: bốn phẩy không năm

12,004: mười hai phẩy không không bốn

8,03: tám phẩy không ba

**25,009: hai mươi lăm phẩy không
không chín**



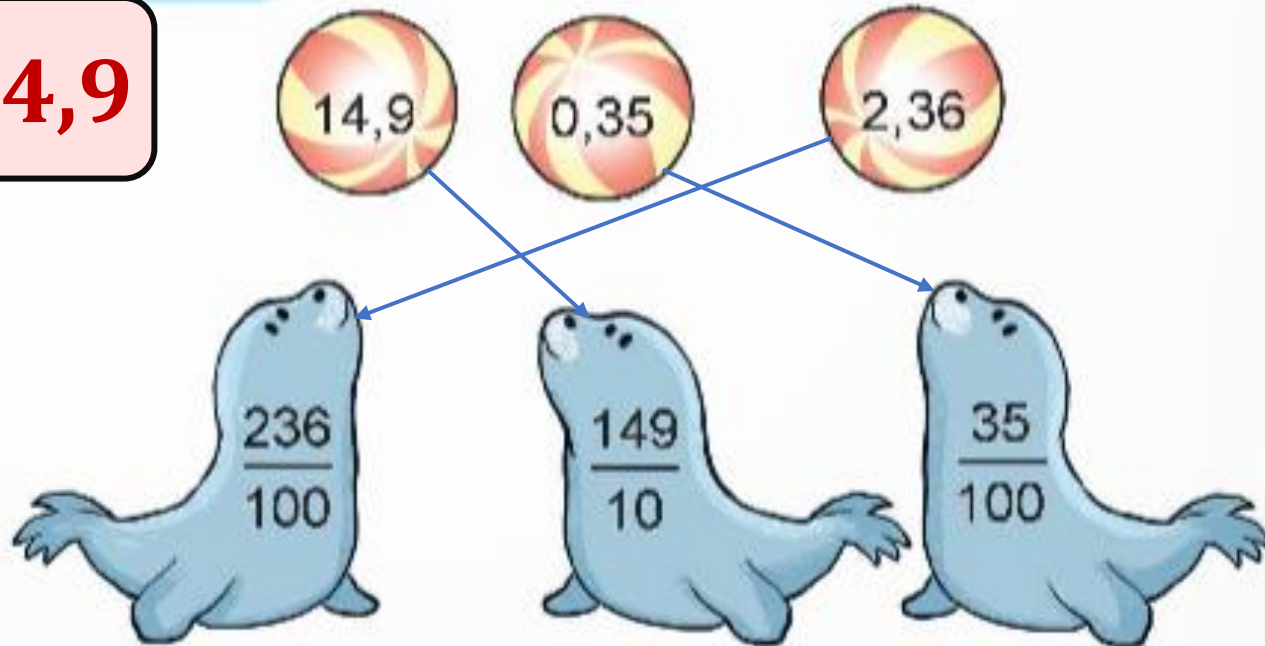
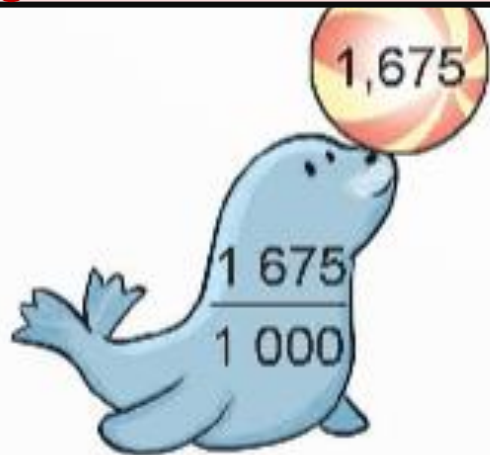
3 Chọn số thập phân thích hợp với mỗi phân thập phân (theo mẫu).

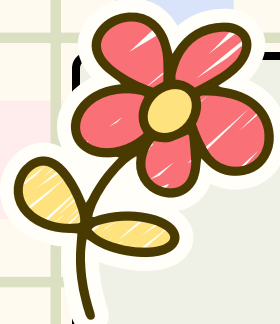
Mẫu: $\frac{1\ 675}{1\ 000} = 1\frac{675}{1\ 000} = 1,675.$

$$\frac{236}{100} = 2\frac{36}{100} = 2,36$$

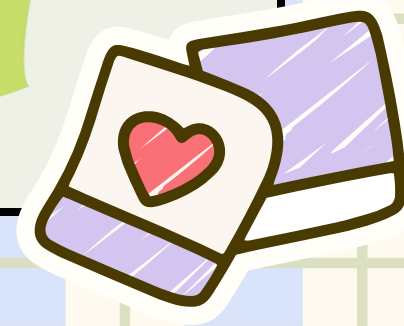
$$\frac{35}{100} = \frac{35}{100} = 0,35$$

$$\frac{149}{10} = 14\frac{9}{10} = 14,9$$





VĂN DỤNG





**Chiều cao của em là bao nhiêu cm?
Hãy viết chiều cao của em bằng
đơn vị m và đọc nó?**

THẢO LUẬN NHÓM ĐÔI

